

Li u s ph i s a Quy t nh 03?

Hoàng Xuân Quy n

Phòng Phân tích & u t

CTCP Ch ng khoán Tân Vi t

Bài ng trên báo VnEconomy – 13/2/2008

Quy t nh 03/NHNN ngày 1/2/2008 thay th Ch th 03/NHNN ngày 28/5/2007 l i ti p t c thu hút s chú ý c a d lu n.

Có ý ki n phân tích Quy t nh 03 tuy là m t b c ti n nh ng c ng là m t b c lùi (bài vi t c a tác gi M c San trên VnEconomy). Có ý ki n cho r ng nh h ng c a Quy t nh này là tiêu c c trong ng n h n nh ng tích c c v dài h n (Vina Securities). Còn theo TS. Lê Xuân Ngh a - V tr ng V Chi n l c phát tri n ngân hàng (Ngân hàng Nhà n c) - thì vi c ban hành m t chính sách nh v y r t khó i vào cu c s ng.

Ng i vi t bài này cho r ng d báo nh h ng c a Quy t nh 03 n th tr ng ch ng khoán nhìn v ng n h n là tiêu c c, trong khi nhìn v dài h n thì ch a rõ ràng. Quy t nh 03 có kh n ng s ph i s a l i, b i vì ba tham s (v n i u l , t l h n m c 20% v n i u l và h s r i ro ch ng khoán 250%) trong mô hình h n m c tín d ng còn thi u c n c ...

i m chính c a Quy t nh 03 là h n m c cho vay, chi t kh u gi y t có giá u t và kinh doanh ch ng khoán là 20% v n i u l thay vì 3% t ng d n . H n th n a các kho n vay u t ch ng khoán thu c nhóm tài s n có v i h s r i ro t ng t 150% lên 250%.

Gi m cung, gi m c c u

D a trên s li u v v n i u l và t ng d n c a 25 ngân hàng ang ho t ng, báo cáo phân tích c a Vina Securities a ra con s : t ng h n m c cho vay u t ch ng khoán c gi m 7,6 ngàn t t 23,5 ngàn t xu ng 15,9 ngàn t và k t lu n tác ng c a Quy t nh 03 là tiêu c c trong ng n h n.

Nh n nh trên có ph n úng, nh ng ch a ! Con s 7,5 ngàn t ch ph n ánh m c gi m v h n m c. Trên th c t , tác ng c a Quy t nh 03 có th còn l nh n nhi u n a. B i l , vì c nâng h s r i ro t 150% lên 250% i v i các kho n vay u t ch ng khoán thu c nhóm tài s n “có” s làm cho giá tr tài s n “có” r i ro ch ng khoán t ng thêm t ng ng 40% v i cùng giá tr kho n vay nh tr c ây.

m b o yêu c u v t l an toàn v n t i thi u 8%, các ngân hàng b t bu c ph i i u ch nh ho c là gi m t ng ng 40% các kho n cho vay u t ch ng khoán h c là ph i c c u l i tài s n “có” b ng cách gi m các tài s n “có” r i ro khác. Do ó, tác ng ng n h n c a Quy t nh 03 chính là vi c làm gi m cung tín d ng cho vay ch ng khoán và gi m thu nh p lãi vay c a ngân hàng.

Các kho n cho vay u t ch ng khoán có h s r i ro 250% cao g p 2,5 l n so v i các kho n cho vay

thông minh khác có hệ số rủi ro 100%. Điều này ngụ ý vì cần duy trì tỷ lệ giá trị tài sản “có” rủi ro không thì khi tỷ lệ 1 tỷ giá trị tài sản “có” cho vay vượt chỉ số khoản, số phí giảm 2,5 tỷ giá trị tài sản “có” cho vay thông minh.

Nói cách khác, chi phí vốn cho các khoản vay vượt chỉ số khoản cao gấp 2,5 lần so với chi phí vốn của các khoản cho vay khác (giống các yếu tố khác là bất biến). Do đó, xu hướng lãi vay vượt chỉ số khoản số phí tăng là điều khó tránh khỏi và tác động trực tiếp làm giảm tỷ lệ vay vượt chỉ số khoản.

Về trung và dài hạn: vì công nhận mức cho vay vượt chỉ số khoản và vì ngân hàng có lợi theo quan điểm cam kết và phân tích cho rằng sẽ kích thích các ngân hàng tăng vốn và do vậy làm gia tăng giá trị hàm số cung cấp vay vượt chỉ số khoản. Nhưng chúng tôi cho rằng lập luận này còn thiếu sót.

Quy định tăng vốn và ngân hàng hiện là do yêu cầu về pháp luật do yêu cầu áp dụng chính sách kinh doanh dài hạn của các công ty phê chuẩn. Nhưng có nhu cầu bán bớt thì tăng vốn và ngân hàng vì có pha loãng giá trị cổ phiếu và các nhà quản lý điều hành sẽ luôn phải cân nhắc và các công ty không dễ dàng tăng tính.

Hơn nữa, điều này còn làm tăng chi phí vốn chung của ngân hàng vì chi phí vốn vay luôn thấp hơn chi phí vốn chính sách.

Mặt khác, tăng vốn và ngân hàng chỉ có ý nghĩa an ninh hệ thống cho vay chứ không nên tự tăng cung cấp vay vượt chỉ số khoản. Nếu phân tích trên, lãi suất cho vay vượt chỉ số khoản số cao hơn do chi phí vốn và hệ số rủi ro cho vay chỉ số khoản bị đẩy lên cao hơn số là rào cản về việc ngân hàng và nhà vượt chỉ số khoản.

Ngân hàng là tổ chức tài chính trung gian là kênh dẫn vốn chính thức có nhu cầu thanh toán cho vay/tiêu thụ nên thị trường vốn có nhu cầu vay vốn vượt. Nguồn vốn và chỉ số tăng trưởng rõ ràng trong tỷ lệ giá trị tài sản của ngân hàng (ví dụ: Ngân hàng ACB và chỉ số 3% tăng tài sản). Khi vay vốn vì cần tăng vốn và tăng cung cấp tín dụng vượt chỉ số khoản trong dài hạn là thiếu sót.

Ba tham số chính rõ ràng

Nút thắt hệ thống cho vay vượt chỉ số khoản chính là chênh lệch vay giữa tỷ lệ vốn và tỷ lệ hệ thống 20% trôi chảy vào vốn và hệ số rủi ro gán cho tài sản “có” thu nhóm cho vay vượt chỉ số khoản 250% là những con số chính rõ ràng.

- Về vốn: Quy định 457/2005 của Ngân hàng Nhà nước là cơ sở pháp lý các ngân hàng tham gia xác nhận và tuân thủ lợi ích an toàn và lợi ích 8% tài sản “có” rủi ro. Thực ra nội dung trong quy định 457 tăng tỷ lệ hệ thống quy định trong công ước Basel 1.

Nhưng đáng tiếc là, nhà TS. Lê Xuân Nghĩa và tác giả Mục San phân tích, thì không có nội dung nào dựa trên vốn và xác nhận các tiêu chí tài chính như vậy.

- H n m c b ng 20% v n i u l : D l u n c ng nh các nhà phân tích ch a tìm ra c n c lý gi i t i sao l i là 20% mà không ph i 50% hay 60% v n i u l . L y Ngân hàng ACB làm ví d . ACB có t ng d n tín d ng là 31 ngàn t g p g n 12 l n v n i u l 2630 t . H n m c 20% v n i u l ch t ng ng 1.6% t ng d n tín d ng. Theo ch tr ng kích c u ch ng khoán nh tuyên b c a Chính ph thì Quy t nh 03 sao s a nh ng l i th t ch th n?

- H s r i ro 250%: Thông l trên th gi i thì h s r i ro 100% là cao nh t. T t nhiên tùy theo c i m m i n ch s r i ro có th nâng cao h n 100% c nh báo m c r i ro tín d ng. Nhi u chuyên gia phân tích c ng ng tình r ng không th tùy t i n nâng h s r i ro các kho n cho vay chi t kh u gi y t có giá u t kinh doanh ch ng khoán lên 250% t 150% tr c ây.

C s nào a ra nh ng con s này? Ph i ch ng do VN-Index lên xu ng th t th ng trong vài tháng qua hay c phi u các doanh nghi p niêm y t và ch a niêm y t còn t i m n quá nhi u r i ro mà tr c ây ch a tính h t nên nay ph i nâng lên 250%!

S ph i s a?

V n i u l là i l ng có t n su t thay i ít nh t c a ngân hàng; 20% là con s không th hi n ch tr ng kích c u u t ch ng khoán mà là bó ch th n s o v i Ch th 03 tr c ây; h s r i ro các kho n cho vay u t ch ng khoán 250% là con s ch a có c s lý gi i. H n m c cho vay u t ch ng khoán b c t ch t vào i l ng ít bi n i và không ph n ánh th t tình hình tài chính doanh nghi p.

Trong khi ó, th tr ng ch ng khoán ngày càng có nhi u công ty có nhu c u niêm y t, và giá tr v n hóa c a các công ty niêm y t ang t ng r t nhanh, nhi u kh n ng t n con s 1000 ngàn t VND cu i n m 2008, khi các i gia Vietcombank, Incombank, MobiFone, Sabeco, Habeco, B o Vi t ng lo t l n s n trong n m nay.

Quy t nh 03 s a m i nh ng l i bó ch th n kênh tín dung cho vay u t ch ng khoán. Theo TS. Lê Xuân Ngh a thì m t quy t nh ban hành theo chỉ u h ng nh th s r t khó i vào cu c s ng. Quy t nh 03 v i ba tham s trong mô hành h n m c tín d ng u thi u c n c . Tác ng c a Quy t nh 03 trong ng n h n là tiêu c c và trong dài h n có l c ng khó mà sáng s a h n.

Và có l , Quy t nh 03 s m hay mu n c ng s ph i s a i l i, cho phù h p v i xu h ng phát tri n c a th tr ng và thông l qu c t .